

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
công trình Đường lâm nghiệp khu phố Quế Phú, thị trấn Yên Cát,
huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều
theo Luật số 30/2016/QH14, Luật 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật
số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024 ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số
điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị
định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội
dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí
đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 16/04/2025 của UBND huyện
Như Xuân về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đường lâm nghiệp khu phố
Quế Phú, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại báo cáo thẩm định số
45/KTHTĐT-TĐ ngày 06/5/2025 (kèm theo Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày
25/4/2025 của UBND thị trấn Yên Cát),*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Đường lâm nghiệp khu phố Quế Phú, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh
Thanh Hóa, với các nội dung sau:

- Tên công trình:** Đường lâm nghiệp khu phố Quế Phú, thị trấn Yên Cát,
huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND huyện Như Xuân.
- Chủ đầu tư:** UBND thị trấn Yên Cát.

4. Mục tiêu đầu tư: Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, hệ thống đường giao thông trên địa bàn huyện. Bảo đảm điều kiện đi lại, giao thương của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng và xóa đói giảm nghèo của địa phương.

5. Nhà thầu khảo sát, lập BC KTKT: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Hoàng Hưng.

6. Địa điểm xây dựng: thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân.

7. Loại, nhóm, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm C;
- Loại công trình: Công trình giao thông;
- Cấp công trình: Công trình cấp IV.

8. Giải pháp thiết kế

8.1. Bình đồ tuyến: Tuyến thiết kế theo địa hình nền đường mới, cắt cua, mở rộng nâng, hạ nền theo chỉ tiêu thiết kế; Tổng chiều dài thiết kế tuyến đường: $L=556,02m$.

8.2. Mặt cắt dọc: Thiết kế đường đồ theo hai điểm cao độ khống chế đảm bảo theo tiêu chuẩn đường khu dân cư. Kết quả thiết kế mặt cắt dọc theo tiêu chuẩn.

8.3. Mặt cắt ngang: Chiều rộng mặt đường $B_m=3,5m$; Chiều rộng nền đường $B_n=4,5m$; Chiều rộng lề đất $B_l=0,5 \times 2m$; Độ dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$; Độ dốc ngang lề đường $i_l=4\%$.

8.4. Thiết kế nền đường: Vết hữu cơ, vết bùn (rầy cỏ, đào bỏ đất không thích hợp ...) chiều sâu vết 0,3, vận chuyển đổ ra bãi thải. Đào cấp bậc thang ở những nơi nền đường đắp trên mái dốc. Nền đường đắp đất tận dụng từ đất đào độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$; Độ dốc mái ta luy nền đắp thiết kế 1/0,75,5;

8.5. Thiết kế móng và mặt đường: Kết cấu móng, mặt đường: Lớp móng đường bằng cấp phối đá dăm dày 16cm.

8.6. Thiết kế thoát nước:

- Thoát nước mặt bằng chảy tỏa và rãnh thoát nước dọc hình thang $B=40$
- Cống thiết kế vĩnh cửu, tần suất thiết kế $P=4\%$, tải trọng thiết kế $H=10T$, kết cấu như sau:

+ Kết cấu cống bản $KĐ1,0m$: Bê tông phủ tấm bản M300 dày 6cm. Bê tông tấm bản M250 + mũ mố bê tông cốt thép M250. Bê tông thành cống + tường cánh M200 nằm trên lớp bê tông móng M150 và lớp đá dăm đệm $d_k \leq 6mm$ dày 10cm

+ Kết cấu cầu bản KĐ 2.4m: Bê tông cốt thép phủ tấm bản M300 dày 10cm. Bê tông tấm bản M250 + mũ móng bê tông cốt thép M250. Bê tông thành cống + tường cánh M200 nằm trên lớp bê tông móng M150.

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí:

Tổng mức đầu tư: 605.000.000 đồng
(Bằng chữ: Sáu trăm linh năm triệu đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	490.117.000 đồng
- Chi phí QLDA:	10.979.000 đồng
- Chi phí tư vấn:	76.732.000 đồng
- Chi phí khác:	4.949.000 đồng
- Chi dự phòng:	22.223.000 đồng

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ là 500 triệu đồng, ngân sách huyện, ngân sách xã và nguồn huy động hợp pháp khác là 105 triệu đồng.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

14. Các nội dung khác: theo nội dung thẩm định của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại báo cáo thẩm định số 45/KTHTĐT-TĐ ngày 06/5/2025.

Điều 2. Giao UBND thị trấn Yên Cát căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND thị trấn Yên Cát, Khoa bạc Nhà nước khu vực X – Phòng Giao dịch số 10, Đội Thuế liên huyện Như Thanh – Như Xuân, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND huyện (bc);
- Các Phó chủ tịch UBND huyện;
- Chủ đầu tư (05 bản);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tuất

PHỤ BIỂU
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH
Công trình Đường lâm nghiệp khu phố Quế Phú, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
I	Chi phí xây dựng				453.812.542	36.305.003	490.117.000	Gxd
1	NỀN MẶT ĐƯỜNG		1	Theo bảng tổng hợp DTHM	193.720.777	15.497.662	209.218.000	
2	CÓNG QUA ĐƯỜNG		1	Theo bảng tổng hợp DTHM	260.091.765	20.807.341	280.899.000	
II	Chi phí quản lý dự án	3,024%	0,8	Gxd trước thuế x tỷ lệ	10.978.633		10.979.000	Gqlda
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				71.047.676	5.683.814	76.732.000	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa hình			Theo QĐ số 65/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của UBND thị trấn Yên Cát	29.892.206	2.391.376	32.284.000	
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	896.766	71.741	969.000	
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	5,4%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	24.505.877	1.960.470	26.466.000	
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,203%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	14.535.616	1.162.849	15.698.000	
5	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	1.217.211	97.377	1.315.000	
IV	Chi phí khác				4.948.500		4.949.000	Gk
1	Phí thẩm định BC KTKT	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,57%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	3.448.500		3.449.000	
3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	1.000.000		1.000.000	
V	Chi phí dự phòng						22.223.000	Gdp
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	3,81%		(Gxd+Gqlda+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			22.223.000	
	Tổng cộng						605.000.000	Gxdct